

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

Số: 09 /2004/QĐ-UB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lạng Sơn, ngày 12 tháng 02 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH

Về việc quy định mức thu phí Khai thác và sử dụng tài liệu đất đai
trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 71/2003/TT-BTC ngày 30/7/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định;

Căn cứ Nghị quyết số 48/2003/NQ-HĐNDKXIII ngày 22/12/2003 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khoá 13 kỳ họp thứ 10 Phê chuẩn mức thu một số loại phí trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Xét tờ trình số 64 TT/TC-VG ngày 3 tháng 02 năm 2004 của Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn như biểu phí kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Mức thu phí quy định tại Điều 1 là mức thu vào các đối tượng có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu về đất đai của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quản lý hồ sơ, tài liệu về đất đai (như: Cơ quan địa chính, Ủy ban nhân dân xã, phường, quận, huyện ...) nhằm bù đắp chi phí quản lý, phục vụ việc khai thác và sử dụng tài liệu đất đai của người có nhu cầu.

Đơn vị trực tiếp thu phí được trích tối đa 10% trên tổng số tiền phí thực thu được để trang trải cho các hạt động thu phí, phần còn lại nộp vào ngân sách Nhà nước.

Điều 3. - Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Cục Thuế tỉnh và các ngành chức

năng có liên quan của tỉnh hướng dẫn và tổ chức kiểm tra việc thực hiện thu phí theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với Quyết định đều bãi bỏ.

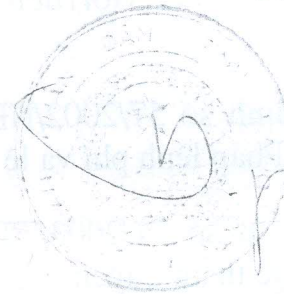
Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/hiện)
- VPCP, BTC.
- TT Tỉnh uỷ (b/cáo)
- CT, PCT HĐND tỉnh.
- CT, PCT UBND tỉnh.
- Tr. Ban KT-NS-HĐND tỉnh
- PVP, Các tổ CV.
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Thời Giang

MỨC THU PHÍ KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG TÀI LIỆU ĐẤT ĐAI

(Kèm theo Quyết định số: 09/2004/QĐ-UB ngày/2/10/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

SỐ TT	TÊN CÁC LOẠI HỒ SƠ	ĐƠN VỊ TÍNH VNĐ	MỨC THU
1	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất:		
a	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	đồng/bộ	10.000
b	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp huyện	đồng/bộ	20.000
c	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp tỉnh	đồng/bộ	50.000
2	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đất :		
a	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp xã	đồng/bộ	20.000
b	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện	đồng/bộ	50.000
c	Bản đồ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh	đồng/bộ	100.000
3	Bản đồ thổ nhượng cấp huyện, thành phố	đồng/bộ	30.000
4	Bản đồ thổ nhượng tỉnh Lạng Sơn	đồng/bộ	40.000
5	Bản đồ định hướng sử dụng đất cấp tỉnh	đồng/bộ	40.000
6	Bản đồ độ dốc địa hình cấp huyện	đồng/bộ	20.000
7	Bản đồ độ dốc địa hình cấp tỉnh	đồng/bộ	50.000
8	Bản đồ tài nguyên nước	đồng/bộ	20.000
9	Bản đồ địa chính cấp xã (các tỷ lệ)	đồng/tờ	20.000
10	Bản đồ giải thửa 299	đồng/tờ	20.000
11	Mốc địa chính các loại	Mốc	50.000
12	Tài liệu đo đạc địa chính (biên bản xác định ranh giới, Hồ sơ kỹ thuật thửa đất)	đồng/văn bản	10.000

* Ghi chú: Mức thu trên không bao gồm chi phí in ấn, sao chụp hồ sơ, tài liệu.